

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 01 năm 2024

Số: 10 /TB-VKS-HC

THÔNG BÁO
Rút kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính

Qua công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính theo thủ tục phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận thấy việc giải quyết vụ án hành chính về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” giữa: Người khởi kiện là ông H.M.T, địa chỉ: Số 520 L.H.P, phường P.H, thành phố N, tỉnh K và người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K của Tòa án nhân dân tỉnh K tại Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2019/HC-ST ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh K và Bản án hành chính phúc thẩm số 158/2020/HC-PT ngày 12/9/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại ĐN có vi phạm, cần thông báo rút kinh nghiệm, cụ thể như sau:

I. NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguồn gốc diện tích 27 ha đất tại cửa biển S, xã P.Đ, thành phố N là do ông H.M.T, ông Đ.M.T, ông L.T, ông N.L và ông C.Đ.T nhận chuyển nhượng năm 1994. Sau đó, nhóm của ông H.M.T có hành vi san ủi, làm địa nuôi trồng thủy sản khi chưa được sự cho phép của UBND thành phố N nên ngày 26/4/1995, UBND thành phố N ban hành các Quyết định số 409/UB, Quyết định số 410/UB, Quyết định số 411/UB và Quyết định số 412/UB xử phạt vi phạm hành chính đối với ông H.M.T, ông N.L, ông L.T và ông C.Đ.T; đình chỉ việc san ủi, buộc khôi phục lại hiện trạng ban đầu của cảnh quan thiên nhiên thuộc Bờ biển S. Tuy nhiên, ngày 11/6/1998, UBND tỉnh K ban hành Văn bản số 1132/UB chấp nhận cho ông H.M.T được tiếp tục sử dụng địa nuôi tôm một thời gian nữa với điều kiện là không được mở rộng diện tích địa và phải chấp hành việc tháo gỡ lán trại ngay sau khi UBND tỉnh K có thông báo thu hồi đất.

Ngày 09/3/2001, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 252/QĐ-TTg về việc thu hồi diện tích 1.802.064 m² đất tại xã P.Đ, thành phố N và cho Công ty TNHH Thương mại – Xây dựng H.C thuê đất để thực hiện Dự án xây dựng Khu du lịch và giải trí S tại xã P.Đ, UBND tỉnh K đã giao diện tích 148,7672 ha đất cho Công ty TNHH Thương mại – Xây dựng H.C, trong đó có 27 ha đất mà nhóm ông H.M.T sử dụng nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất, không bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất cho nhóm ông H.M.T nên ông H.M.T đại diện cho các hộ dân có đơn khiếu nại. Sau nhiều lần khiếu nại qua nhiều cấp,

ngày 07/8/2009, Thanh tra Chính phủ ban hành Báo cáo kết luận số 1817/BC-TTTP kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo UBND tỉnh K ban hành quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ 50% giá trị đất nông nghiệp theo quy định hiện hành về khung giá các loại đất tại địa phương, phần diện tích đất để xem xét hỗ trợ đề nghị căn cứ vào số liệu đã được xác nhận tại các biên bản kiểm đếm. Thủ tướng Chính phủ đồng ý với nội dung Báo cáo kết luận số 1817/BC-TTTP nêu trên.

Ngày 24/8/2010, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 2175/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bổ sung đối với ông H.M.T và ông Đ.M.T, theo đó tổng diện tích đất được hỗ trợ là 88.402,2m² (ông H.M.T được hỗ trợ là 35.516,8m² và ông Đ.M.T được hỗ trợ diện tích 52.885,4m²) với tổng số tiền là 185.644.620 đồng.

Ông H.M.T tiếp tục khiếu nại và đề nghị được hỗ trợ đối với diện tích 27 ha đất. Ngày 08/8/2011, UBND thành phố N ban hành Văn bản số 3108/UBND-TNMT và ngày 17/5/2016, UBND tỉnh K ban hành Văn bản số 3266/UBND-PC không đồng ý hỗ trợ bổ sung diện tích 27 ha đất theo đề nghị của ông H.M.T.

Ông H.M.T tiếp tục khiếu nại. Ngày 05/8/2016, UBND tỉnh K ban hành Thông báo số 391/TB-UBND với nội dung: khiếu nại của ông H.M.T đã được các cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo đúng quy định của pháp luật nên chấm dứt, không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông H.M.T.

Ngày 10/7/2017 và ngày 04/8/2017, ông H.M.T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2175/QĐ-UBND ngày 24/8/2010 và Thông báo số 391/TB-UBND ngày 05/8/2016 của UBND tỉnh K.

II. QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT CỦA TÒA ÁN

1. Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2019/HC-ST ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh K quyết định:

“Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.M.T

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông H.M.T yêu cầu hủy Quyết định số 2175/QĐ-UBND ngày 24/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ bổ sung đối với trường hợp ông H.M.T.

Bác yêu cầu của ông H.M.T yêu cầu hủy Thông báo số 391/TB-UBND ngày 05/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc chấm dứt giải quyết khiếu nại.

Bác yêu cầu của ông H.M.T yêu cầu tuyên bố hành vi không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K đối với khiếu nại của ông H.M.T là trái pháp luật; bác yêu cầu của ông H.M.T về buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K thực hiện việc giải quyết khiếu nại của ông H.M.T.”

Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

2. Bản án hành chính phúc thẩm số 158/2020/HC-PT ngày 12/9/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại ĐN quyết định:

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông H.M.T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2020/1C-ST ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh K.

Bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí phúc thẩm.

3. Ngày 19/4/2023, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Quyết định số 29/2023/KN-HC ngày 19/4/2023 kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 158/2020/HC-PT ngày 12/9/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại ĐN.

4. Ngày 27/6/2023, Tòa án nhân dân tối cao ban hành Quyết định giám đốc thẩm số 36/2023/HC-GĐT quyết định hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 158/2020/HC-PT ngày 12/9/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại ĐN và hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2019/HC-ST ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh K; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

III. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN RÚT KINH NGHIỆM

1. Ngày 05/8/2016, UBND tỉnh K ban hành Thông báo số 391/TB-UBND với nội dung: “... *khiếu nại của ông H.M.T đã được các cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo đúng quy định của pháp luật nên chấm dứt, không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông H.M.T*”. Như vậy, nội dung của Thông báo số 391/TB-UBND nêu trên đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H.M.T nên được xác định là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

2. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện là 01 năm được tính từ ngày ông H.M.T nhận được Thông báo số 391/TB-UBND ngày 05/8/2016 nêu trên và khi xét xử Tòa án phải xem xét quyết định hành chính có liên quan là Quyết định số 2175/QĐ-UBND ngày 28/4/2010 của UBND tỉnh K và không phụ thuộc vào quyết định hành chính này còn hay đã hết thời hiệu khởi kiện. Ngày 10/7/2017, ông H.M.T có đơn khởi kiện và ngày 04/8/2017, có đơn khởi kiện bổ sung đề nghị hủy Thông báo số 391/TB-UBND ngày 05/8/2016 và Quyết định số 2175/QĐ-UBND ngày 28/4/2010 nêu trên là còn thời hiệu khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định Thông báo số 391/TB-UBND ngày 05/8/2016 là đối tượng khởi kiện và ông H.M.T có đơn khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện, nhưng không xem xét, đánh giá tính hợp pháp và tính có căn cứ của Quyết định số 2175/QĐ-

UBND ngày 28/4/2010 của UBND tỉnh K mà quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Quyết định số 2175/QĐ-UBND này với lý do hết thời hiệu khởi kiện là không đúng; đồng thời xử bác yêu cầu khởi kiện của ông H.M.T đối với Thông báo số 391/TB-UBND nhưng không xem xét đánh giá về nội dung để xác định quyền và lợi ích hợp pháp của ông H.M.T đã được đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật hay chưa cũng là không đúng.

Trên đây là vi phạm của Tòa án nhân dân tỉnh K trong việc giải quyết vụ án hành chính nêu trên. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thông báo đến các Viện kiểm sát trong khu vực cùng tham khảo và rút kinh nghiệm khi kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính tương tự. /.

Nơi nhận:

- Đ/c Nguyễn Quang Dũng-PVT VKSNDTC (b/c);
- Vụ 10, VP-VKSNDTC, Vụ 14 (đề biết);
- Lãnh đạo VC2;
- Các VKSND tỉnh, TP trong khu vực;
- Các Viện nghiệp vụ;
- Trang thông tin điện tử VC2;
- Lưu VP, V3, HSKS. A

**KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Phan Văn Tâm